

Bản án số: 118/2024/DS-PT

Ngày: 12-03-2024

V/v tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho
tài sản, công nhận hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xác
lập quyền sử dụng đất do thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán:

Ông Dương Hùng Quang

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho tài sản, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xác lập quyền sử dụng đất do thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Hùng A1, sinh năm: 1956 (Có mặt).

2. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm: 1968

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T2: Ông Huỳnh Hùng D, sinh năm: 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

3. Ông Huỳnh Hùng E, sinh năm: 1960 (Có mặt).

4. Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm: 1974 (Có mặt).

5. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm: 1969.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị T1: Ông Huỳnh Hùng D, sinh năm: 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

6. Ông Huỳnh Hùng D, sinh năm: 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

7. Bà Huỳnh Thị A2, sinh năm: 1964. Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm: 1976 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn L1: Luật sư Đỗ Văn T – Công ty Luật TNHH Công H và Cộng sự chi nhánh Cà Mau. Địa chỉ: Số 122 – 124, đường Ngô Gia T, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng T4, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1952. Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

3. Bà Phan Hồng K2, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1954 (Vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Trúc K1, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị K1: Luật sư Nguyễn Văn M
– Văn phòng luật sư Nguyễn Văn M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

9. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1955. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh L ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà B1: Bà Nguyễn Trúc K1, sinh năm: 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Hồng T4 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các đồng nguyên đơn trình bày: Cụ Minh và cụ Mạnh có tạo lập diện tích 81.349 m², đất tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Sau đó, cụ Mạnh và cụ Minh chia đất cho các con như sau: Chia đất bà N đất ruộng 7.800 m², đất vườn 984 m², chia cho bà H đất ruộng 7.800 m², đất vườn 984 m² thể hiện tại Giấy cắt đất cho con ngày 25/02/2004 âm lịch. Khi cụ Minh chết năm 2009, cụ Mạnh chia đất cho bà B1 đất ruộng 7.800 m², đất vườn 984 m², thể hiện tại Giấy cắt đất cho con ngày 10/8/2012 dương lịch. Sau đó, cụ Mạnh họp gia đình chia đất cho bà T3 4 công đất cày cấy (tầm 3m), không tính bờ khuôn, kinh ranh và đất vườn ngang 22 mét, dài 50 mét; số đất còn lại chia cho cụ Mạnh 05 công, cụ Minh 05 công, ông L1 5 công; khi cụ Mạnh qua đời giao cho ông L1 quản lý 15 công không tính kinh mương; ông L1 có trách nhiệm thờ cúng cha mẹ, phần đất còn lại 06 người con 4 trai, 2 gái tự thỏa thuận phân chia; còn phần kinh ranh là đường đi chung không đưa nào ngăn đắp đập gây cản trở việc đi lại để canh tác, thể hiện tại Biên bản họp gia đình ngày 11/3/2013. Do nay ông L1 không đồng ý chia thừa kế theo Biên bản họp gia đình ngày 11/3/2013, vì ông L1 cho rằng tại biên bản này không có chữ ký của cụ Mạnh. Nay, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu sau khi trừ các phần đất của bà N, bà Hường, bà B1 và bà T3, nếu ai thờ cúng cụ Mạnh và cụ Minh thì giao diện tích khu mộ và 01 căn nhà của cụ Minh và cụ Mạnh cho người đó quản lý, phần kinh mương dùng làm lối đi chung, diện tích còn lại chia thừa kế theo pháp luật cho 08 người của cụ Mạnh và cụ Minh, gồm: Huỳnh Hùng A1, Huỳnh Văn T2, Huỳnh Hùng E, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Hùng D, Huỳnh Thị A2, Huỳnh Văn L1, tương ứng với diện tích theo đo đạc thực tế.

Bị đơn ông Huỳnh Văn L1, bà Nguyễn Hồng T4 trình bày: Cụ Mạnh và cụ Minh có tạo lập phần đất 74.950 m², đất tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Lúc còn sống, cụ Mạnh và cụ Minh lập Biên bản chia tách đất cho con ngày 25/02/2004, chia đất cho bà N đất ruộng 7.800 m², đất vườn 984 m², chia cho bà Hường đất ruộng 7.800 m², đất vườn 984 m², chia cho ông L1 57.382 m². Sau đó, cụ Mạnh và cụ Minh được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 10/5/2007, với diện tích 81.349 m², thửa 140, 457, 458, tờ bản đồ số 02. Nay, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía chia thừa kế theo pháp luật (sau khi trừ đi đất của bà N, bà Hường, bà T3 và bà B1) bị đơn không đồng ý. Vì, cụ Mạnh và cụ Minh không có chia đất cho bà B1 và bà T3. Nay, bị đơn

phản tố yêu cầu công nhận Biên bản chia tách đất cho con do cụ Mạnh và cụ Minh lập ngày 25/02/2004 có hiệu lực, công nhận cho ông L1 được quyền sử dụng diện tích 57.382 m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Cụ Minh và cụ Mạnh có lập Giấy cắt đất cho con ngày 25/02/2004 âm lịch, theo đó phân chia đất cho bà N đất ruộng 7.800 m², đất vườn 984 m², đất tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và hiện nay phần đất này do bà B1 quản lý. Nay, bà N yêu cầu công nhận Giấy cắt đất cho con do cụ Mạnh và cụ Minh lập ngày 25/02/2004 âm lịch có hiệu lực, công nhận cho bà được sử dụng phần đất 8.784 m²; đồng thời do phần đất ruộng 7.800 m² không có lối đi vào nên yêu cầu được mở lối đi vào phần đất canh tác sản xuất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T5, chị Nguyễn Trúc K1, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị L3 trình bày: Cụ Minh và cụ Mạnh có lập Giấy cắt đất cho con ngày 25/02/2004 âm lịch, theo đó phân chia đất cho bà Nguyễn Thị H đất ruộng 7.800 m², đất vườn 984 m², đất tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và hiện nay phần đất này do ông T5, chị K1, anh Bửu, chị L2, chị L3 quản lý. Năm 2012, bà H chết nên phần đất mà trước đây cụ Minh và cụ Mạnh tặng cho là di sản của bà Hường, nên hàng thừa kế thứ nhất của bà H được hưởng. Nay, hàng thừa kế thứ nhất của bà Hường gồm: Ông Nguyễn Văn T5 (chồng) và 04 người con của bà Hường và ông T5 gồm: Nguyễn Trúc K1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3 yêu cầu công nhận Giấy cắt đất cho con do cụ Mạnh và cụ Minh lập ngày 25/02/2004 âm lịch có hiệu lực, công nhận phần đất 8.784 m² là di sản của bà Hường và công nhận cho ông T5, chị K1, anh Bửu, chị L2, chị L3 được quyền hưởng di sản thừa kế là diện tích 8.784 m²; đồng thời do phần đất ruộng 7.800 m² không có lối đi vào nên yêu cầu được mở lối đi vào phần đất canh tác sản xuất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Trúc K1 trình bày: Cụ Mạnh có lập Giấy cắt đất cho con ngày 10/8/2012 dương lịch, cụ Mạnh chia đất cho bà B1 đất ruộng 7.800 m², đất vườn 984 m², đất tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và được ông Cao Tấn Phát là Trưởng ấp Chủ Mía ký xác nhận. Sau đó, bà B1 lập Tờ giao kèo sang nhượng đất ngày 28/3/2017, chuyển nhượng cho chị phần đất ruộng 7.800 m², được ông Đ (nguyên là Chủ tịch Hội trưởng Hội cựu chiến binh ấp Kinh Mới, nay là ấp Chủ Mía) ký xác nhận. Hiện nay phần đất ruộng 7.800 m² do chị trực tiếp quản lý, nên chị K1 yêu cầu công nhận có hiệu lực tại Tờ giao kèo sang nhượng đất ngày 28/3/2017 về việc bà B1 chuyển nhượng cho chị phần đất ruộng 7.800 m²; đồng thời do phần đất ruộng 7.800 m² không có lối đi vào nên yêu cầu được mở lối đi vào phần đất canh tác sản xuất.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hùng A1, ông Huỳnh Văn T2, ông Huỳnh Hùng E, bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Hùng D, bà Huỳnh Thị A2.

2. Công nhận phần đất theo đo đạc thực tế 43.796,4 m² (ký hiệu thửa 4, 10, 13, 15); khu mộ có diện tích 391,3 m² (ký hiệu thửa 13); diện tích đất là kinh mương 5.056,6 m² (ký hiệu thửa 8, 11, 14, 16, 18, 21, 23); 01 căn nhà của cụ Mạnh và cụ Minh gắn liền với thửa ký hiệu thửa 10, đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là di sản của cụ Huỳnh Văn Mạnh và cụ Nguyễn Thị Minh để lại.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn L1.

4. Giao cho ông Huỳnh Văn L1 quản lý khu mộ diện tích 391,3 m² (ký hiệu thửa 13), 01 căn nhà của cụ Minh và cụ Mạnh (ký hiệu thửa 10) và ông L1 được hưởng quyền sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế 43.796,4 m² (ký hiệu thửa 4, 10: đất trồng cây lâu năm, thửa 15: đất trồng lúa), trích đo từ các thửa đất số 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, tờ bản đồ địa chính số 2 (TL năm 2004), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5. Buộc ông Huỳnh Văn L1 phải trả giá trị bằng tiền tương ứng diện tích 2.412,45 m² với 07 người, cụ thể như sau:

Trả cho ông Huỳnh Hùng A1 số tiền 152.227.500 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Trả cho ông Huỳnh Văn T2 số tiền 152.227.500 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Trả cho ông Huỳnh Hùng E số tiền 152.227.500 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Trả cho bà Huỳnh Thị T3 số tiền 152.227.500 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Trả cho bà Huỳnh Thị T1 số tiền 152.227.500 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Trả cho ông Huỳnh Hùng D số tiền 152.227.500 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Trả cho bà Huỳnh Thị A2 số tiền 152.227.500 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn L1 về việc yêu cầu công nhận có hiệu lực Giấy cắt đất cho con ngày 25/02/2004.

7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn T5, chị Nguyễn Trúc K1, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị L3, của bà Nguyễn Thị N và của chị Nguyễn Trúc K1.

8. Công nhận có hiệu lực “Giấy cắt đất cho con” do cụ Huỳnh Văn M và cụ Nguyễn Thị M lập ngày 25/02/2004 âm lịch.

9. Công nhận phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 8.037,9 m² (ký hiệu thửa 2, 7, 20), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là di sản của bà Nguyễn Thị H.

10. Công nhận cho ông Nguyễn Văn T5, chị Nguyễn Trúc K1, anh Nguyễn Văn Bửu, chị Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị L3 được quyền hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế diện tích 8.037,9 m² (ký hiệu thửa 2, 7: đất trồng cây lâu năm, thửa 20: đất trồng lúa), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

11. Công nhận cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế 8.494,8 m² (ký hiệu thửa 3, 6: đất trồng cây lâu năm, thửa 22: đất trồng lúa), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

12. Công nhận có hiệu lực tại Tờ giao kèo sang nhượng đất ngày 28/3/2017 được ký giữa chị Nguyễn Trúc K1 với bà Nguyễn Thị B1.

13. Công nhận cho chị Nguyễn Trúc K1 được quyền sử dụng diện tích 7.565,9 m² (ký hiệu thửa số 19: đất trồng lúa), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

14. Công nhận diện tích theo đo đạc thực tế 5.056,6 m² (ký hiệu thửa 8, 11, 14, 16, 18, 21, 23), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, để làm lối đi chung giữa Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trúc K1, Nguyễn Văn Bửu, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn L1, Nguyễn Thị B1.

15. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với diện tích đất đã được phân giao, có hình thể, kích thước và vị trí theo Bản vẽ ngày 26/8/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn xây dựng – Đo đạc Bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, chi phí tố tụng án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, bị đơn là ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Hồng T4 có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý Bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn

là công nhận cho ông Huỳnh Văn L1 được quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 47.772,8m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Hồng T4 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Hồng T4, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Hồng T4 xác định chỉ kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đối với phần diện tích đất theo đo đạc thực tế 43.796,4m² án sơ thẩm chấp nhận chia giá trị cho các đồng nguyên đơn, đối với các phần còn lại bị đơn không kháng cáo mà đồng ý với Bản án sơ thẩm.

[2] Xem xét tất cả các chứng cứ tài liệu các đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với Biên bản ngày 25/02/2004 về việc chia tách đất cho con: Người ghi biên bản là ông Nguyễn Thanh Đ Chi hội trưởng hội cựu chiến binh ấp, ông Nguyễn Văn T là Trưởng ấp và ông Võ Văn T là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải ký tên xác nhận, có dấu mộc đỏ của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải. Ông Nguyễn Thanh Đ có giấy xác nhận ngày 12/06/2020 phù hợp với biên bản của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời làm việc với ông Đ ngày 28/4/2021 (bút lục 231A) thừa nhận có viết giùm văn bản này và chứng kiến việc các thành viên gia đình trong đó có vợ chồng bà Minh, ông Mạnh ký tên vào văn bản và nội dung văn bản đúng với ý chí của vợ chồng ông Mạnh. Văn bản này ông Huỳnh Hùng A1 thừa nhận có chứng kiến và ký tên tại buổi hòa giải ở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Kết quả giám định chữ ký ông Mạnh là do ông Mạnh ký tên nên đây đúng là ý chí của ông Mạnh. Phía nguyên đơn cho rằng không biết văn bản này và đây không phải chữ ký ông Mạnh là không có cơ sở. Do vậy đây là văn bản

có giá trị pháp lý nhưng cấp sơ thẩm cho rằng không có đóng dấu giáp lai nên không có giá trị là không phù hợp.

Xét giấy cắt đất cho con ngày 25/02/2004 âm lịch: Giấy này xuất phát từ biên bản chia tách đất cho con 25/02/2004, do bà N và bà H yêu cầu viết tách riêng đối với 02 phần đất hai bà được cha mẹ cho để thuận tiện cho việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên vị trí và diện tích đất của bà N, bà H cũng bằng 8.784m^2 như thể hiện trong biên bản chia tách đất cho con 25/02/2004. Ông Đ cũng thừa nhận có viết hộ văn bản này khoảng 15 ngày sau với mục đích dựng lại biên bản khác rõ ràng hơn để hai bà N, H tách làm sổ giấy chứng nhận cho tiện vì có ghi cụ thể hơn vị trí tứ cận và diện tích đúng như văn bản chia tách đất cho con ngày 25/02/2004 và hai văn bản này có ngày tháng giống nhau.

Giấy cắt đất cho con ngày 10/8/2022 có nội dung ông Mạnh có họp gia đình làm giấy cắt đất cho con là bà B1 diện tích đất 8.784 m^2 . Tại tờ tường trình ngày 29/06/2021 ông Cao Tấn P là Trưởng ban Nhân dân ấp Chủ Mía khẳng định ngày 10/8/2022 ông M có họp gia đình làm giấy cắt đất cho con, nội dung là do ông Phát viết và xác nhận các người con ông Mạnh đều có ký tên là đúng sự thật. Tại phiên tòa phúc thẩm anh L1 thừa nhận thống nhất với văn bản này với lý do ông Mạnh có đời vợ trước có 3 chị là N, H, B, ông M đã cắt chia cho N, H một phần diện tích đất theo giấy tờ 25/02/2004 là 8.784m^2 , nhưng chưa chia cho bà B1 do bà có gia đình ở xa không trực tiếp canh tác được, tuy nhiên khi vợ chồng ông M bệnh, chị B1 có về cùng chăm sóc thấy hoàn cảnh chị B1 cũng khó khăn nên ông có thống nhất với cha là ông M cắt chia một phần của ông đã được cha mẹ chia để chia lại cho bà B1 bằng với diện tích đất là 8.784m^2 như đã cắt chia cho hai chế là bà N và bà H.

Đối với biên bản họp gia đình ngày 11/3/2013 về việc chia lại đất cho con do phía ông Huỳnh Hùng A1 cung cấp, Bản án sơ thẩm chấp nhận công nhận chia theo văn bản này là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

Biên bản này ông M không có ký tên, anh L1 có ký tên nhưng không thừa nhận chữ ký, sau khi giám định thì chữ ký tại biên bản này lại không phải chữ ký anh L1. Nên trình bày của phía các nguyên đơn anh L1 có tham gia cuộc họp và có thống nhất ký tên là không đúng. Mặc khác biên bản này không có chữ ký của người ghi biên bản và cũng không có chữ ký xác nhận đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải. Biên bản này được lập khi bà M đã chết nhưng lại ghi nhận cắt chia cho bà M 05 công đất là không phù hợp và nội dung văn bản này là trái với ý chí của bà M khi còn sống.

[3] Từ những nhận định như đã nêu trên nên bản án sơ thẩm chấp nhận cho rằng ông M và bà M chết còn để lại đất đai chưa chia cho các con là không có cơ sở, bởi lẽ: Toàn bộ diện tích đất của ông bà đã tặng cho hết các con theo biên bản ngày 25/02/2004 về việc chia tách đất cho các con, giấy cắt đất cho con ngày 25/02/2004, Giấy cắt đất cho con ngày 10/8/2022. Do đó không có cơ sở chấp nhận

nội dung và yêu cầu kiện của nguyên đơn chia thừa kế theo biên bản họp gia đình ngày 11/3/2013 về việc chia lại đất cho con do phía ông Huỳnh Hùng A1 cung cấp.

[4] Do vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật, cần sửa một phần Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên các nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn không phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Hồng T4.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hùng A1, ông Huỳnh Văn T2, ông Huỳnh Hùng E, bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Hùng D, bà Huỳnh Thị A2 về việc công nhận phần đất theo đo đạc thực tế 43.796,4 m² (ký hiệu thửa 4, 10, 13, 15); khu mộ có diện tích 391,3 m² (ký hiệu thửa 13); diện tích đất là kinh mương 5.056,6 m² (ký hiệu thửa 8, 11, 14, 16, 18, 21, 23); 01 căn nhà của cụ Mạnh và cụ Minh gắn liền với thửa ký hiệu thửa 10, đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là di sản của cụ Huỳnh Văn M và cụ Nguyễn Thị M để lại.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn L1.

Ông Huỳnh Văn L1 đang quản lý sử dụng phần đất khu mộ diện tích 391,3 m² (ký hiệu thửa 13), 01 căn nhà của cụ Minh và cụ Mạnh (ký hiệu thửa 10) và ông L1 được hưởng quyền sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế 43.796,4 m² (ký hiệu

thửa 4, 10: đất trồng cây lâu năm, thửa 15: đất trồng lúa), trích đo từ các thửa đất số 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, tờ bản đồ địa chính số 2 (TL năm 2004), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được tiếp tục quản lý sử dụng và thực hiện quyền đăng ký giấy chứng nhận theo quy định.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn T5, chị Nguyễn Trúc K1, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị L3, của bà Nguyễn Thị N và của chị Nguyễn Trúc K1.

4. Công nhận phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 8.037,9 m² (ký hiệu thửa 2, 7, 20), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là di sản của bà Nguyễn Thị H.

5. Công nhận cho ông Nguyễn Văn T5, chị Nguyễn Trúc K1, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị L3 được quyền hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế diện tích 8.037,9 m² (ký hiệu thửa 2, 7: đất trồng cây lâu năm, thửa 20: đất trồng lúa), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

6. Công nhận cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế 8.494,8 m² (ký hiệu thửa 3, 6: đất trồng cây lâu năm, thửa 22: đất trồng lúa), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

7. Công nhận hợp đồng sang nhượng đất ngày 28/3/2017 được ký giữa chị Nguyễn Trúc K1 với bà Nguyễn Thị B1.

8. Công nhận cho chị Nguyễn Trúc K1 được quyền sử dụng diện tích 7.565,9 m² (ký hiệu thửa số 19: đất trồng lúa), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

9. Công nhận diện tích theo đo đạc thực tế 5.056,6 m² (ký hiệu thửa 8, 11, 14, 16, 18, 21, 23), đất tọa lạc tại ấp Chủ Mía, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, để làm lối đi chung giữa Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trúc K1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn L1, Nguyễn Thị B1.

10. Các đương sự có quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với diện tích đất đã được phân giao, có hình thể, kích thước và vị trí theo Bản vẽ ngày 26/8/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn xây dựng – Đo đạc Bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau.

11. Về chi phí tố tụng:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Trúc K1 về việc tự chịu số tiền 5.794.000 đồng (Năm triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn đồng), chị K1 đã nộp xong.

Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hùng A1, ông Huỳnh Văn T2, ông Huỳnh Hùng E, bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Hùng D, bà Huỳnh Thị A2 tự chịu chi phí tố tụng số tiền 60.870.640 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

12. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Hùng A1, bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Buộc ông Huỳnh Văn T2 phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ vào số tiền ông Huỳnh Văn T2 đã dự nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 2901 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Ông Huỳnh Văn T2 được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Hùng E phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ vào số tiền đã dự nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 2904 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Ông Huỳnh Hùng E được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị T3 phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ vào số tiền đã dự nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 2900 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Bà Huỳnh Thị T3 được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị T1 phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ vào số tiền đã dự nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 2902 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Bà Huỳnh Thị T1 được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Hùng D phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ vào số tiền đã dự nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 2905 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Ông Huỳnh Hùng D được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị A2 phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ vào số tiền đã dự nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 2903 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Bà Huỳnh Thị A2 được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Văn L1 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 4480 ngày 28/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Buộc bà Nguyễn Trúc K1 phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ vào số tiền bà Nguyễn Trúc K1 đã dự nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số 5141 ngày 09/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời. Bà Nguyễn Trúc K1 đã nộp xong.

Buộc bà Nguyễn Trúc K1, ông Nguyễn Văn Bửu, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị L3 phải nộp án phí số tiền 16.075.800 đồng, trừ số tiền 2.400.000 đồng theo các biên lai thu số 4186, 4187, 4188, 4189 ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, bà K1, ông Bửu, bà L2, bà L3 còn phải nộp tiếp số tiền 13.675.800 đồng (Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Hồng T4 không phải chịu. Ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Hồng T4 đã dự nộp số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0006356 ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng